



Bản tin CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

Bản tin của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam Số 3 - Q3/2016

TIN TRUNG ƯƠNG



Nguồn ảnh: VNFF

Phiên họp

Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam

Lần thứ 2/2016

BĐH VNFF

Ngày 15/7, phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF) lần 2/2016 đã diễn ra. Thứ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Hà Công Tuấn chủ trì phiên họp.

Theo đó, tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm của Ban điều hành Quỹ đạt nhiều kết quả: có thêm Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (BV&PTR) tỉnh Ninh Bình được thành lập nâng tổng số hệ thống Quỹ trên cả nước lên 41 Quỹ (trong đó 38 Quỹ đã ổn định bộ



TRONG số này



06

Khởi động nghiên cứu thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp tại khu vực miền Trung

08

REDD+Việt Nam và NRAP

10

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên cát

14

Hội thi tìm hiểu chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Thừa Thiên Huế 2016

18

Chi trả dựa trên kết quả lao động? thông qua tài khoản tiền gửi. Tổng quan phương thức được áp dụng tại các dự án lâm nghiệp do KfW tài trợ tại Việt Nam và tóm tắt các bài học kinh nghiệm

23

Chuyên mục hỏi đáp

máy hoạt động). 6 tháng qua, nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chỉ đạo điều hành được ban hành đặc biệt việc xây dựng, hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung 1 số điều Nghị định 99/2010/NĐ-CP được thúc đẩy mạnh mẽ và việc xây dựng nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) vào Luật Lâm nghiệp đang được triển khai. Ngoài ra, công tác giám sát, đánh giá, tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức, hợp tác quốc tế cũng đạt được những kết quả nhất định.

Đến hết ngày 30/6, cả nước đã thu được 518,5 tỷ đồng (đạt 39% kế hoạch năm và đạt 93% so với cùng kỳ năm 2015) trong đó trung ương thu 342 tỷ đồng, quỹ tỉnh thu hơn 176,5 tỷ đồng. Kết quả thu năm nay giảm so với cùng kỳ năm ngoái được lý giải do sản lượng điện thương phẩm bán ra của các nhà máy thủy điện giảm (do thời tiết khô hạn, lượng mưa ít dẫn đến 1 số nhà máy không phát hết công suất, theo thống kê thì 12/45 nhà máy thủy điện không đủ nước để phát điện). Công tác đôn đốc thu nộp tiền DVMTR nợ đọng được đánh giá là một trong những kết quả nổi bật trong 6 tháng đầu năm của Ban Điều hành Quỹ. Số tiền DVMTR nợ đọng cả nước từ năm 2011 đến năm 2015 khoảng gần 80 tỷ đồng tập trung ở các nhà máy thủy điện. Với mục tiêu đến cuối năm giảm số nợ đọng dưới 70 tỷ đồng, Ban Điều hành Quỹ sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Cục Điều tiết điện lực, Bộ Công Thương cùng với việc áp dụng chế tài xử phạt hành chính theo Nghị định 40/2015/NĐ-CP ngày 27/4/2015 nếu cần thiết.

Từ ngày 01/01 đến 30/6, trung ương đã giải ngân cho quỹ tỉnh 376 tỷ đồng (đạt 40% kế hoạch và đạt 139% so với cùng kỳ năm ngoái, quỹ tỉnh giải ngân đc 833,8 tỷ đồng cho chủ rừng là các Ban quản lý rừng, công ty lâm



nh nghiệp, UBND xã, cá nhân, hộ gia đình...) gồm tạm ứng tiền DVMTR năm 2016 và thanh toán tiền thu năm 2015 với hơn 5,617 triệu ha rừng được hưởng tiền DVMTR.

Kết quả nổi bật 6 tháng đầu năm cũng được ghi nhận là việc huy động nguồn thu DVMTR mới đã có kết quả bước đầu bằng việc Lào Cai là địa phương đầu tiên thí điểm 2 nguồn thu mới: thu tiền DVMTR đối với cơ sở nuôi cá nước lạnh có sử dụng nguồn nước từ rừng và thu tiền DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước trên địa bàn tỉnh (theo đánh giá của Quỹ tỉnh Lào Cai, mỗi năm tỉnh thu được hơn 2 tỷ đồng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng từ 2 nguồn thu này). Từ cơ sở này, VNFF đã tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) phối hợp UBND

Đến hết ngày 30/6, cả nước đã thu được 518,5 tỷ đồng (đạt 39% kế hoạch năm và đạt 93% so với cùng kỳ năm 2015) trong đó trung ương thu 342 tỷ đồng, quỹ tỉnh thu hơn 176,5 tỷ đồng.



Nguồn ảnh: Hùng Lekima

các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh nghiên cứu, áp dụng thí điểm chi trả DVMTR đối với cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nguồn nước từ rừng trong thời gian tới.

Cũng trong 6 tháng đầu năm 2016, cả nước thu được hơn 115,7 tỷ đồng tiền trồng rừng thay thế, lũy kế đến nay thu được 704,9 tỷ đồng. Đến 30/6, chi lũy kế tiền trồng bù rừng là 215,56 tỷ đồng, lũy kế thực hiện trồng được 17.346 ha rừng mới.

Tại cuộc họp, Thứ trưởng, Chủ tịch hội đồng Hà Công Tuấn đánh giá cao kết quả đạt được của Ban Điều hành Quỹ trong 6 tháng đầu năm đúng quy định, có hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, Thứ trưởng chỉ đạo trong thời gian tới: Ban Điều hành Quỹ tập trung tiếp tục thu đúng, thu đủ, phối hợp với

cơ quan kiểm lâm triển khai có hiệu quả Nghị định 40/2015/NĐ-CP; Chuẩn bị chu đáo cho Hội nghị sơ kết 8 năm thực hiện Nghị định 05/2008/NĐ-CP và 5 năm thực hiện Nghị định 99/2010/NĐ-CP; Tổ chức nghiên cứu, đánh giá, xem xét xin chủ trương sửa đổi, bổ sung Nghị định 05/2008/NĐ-CP; Nghiên cứu, tham mưu trình Bộ NN&PTNT ban hành Bộ chỉ số giám sát, đánh giá chi trả DVMTR nhằm rà soát, kiểm tra chế độ báo cáo định kỳ của địa phương, áp dụng thí điểm sau đó nhân rộng trên cả nước; Nghiên cứu, tham mưu trình Bộ ban hành hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn tiền trồng rừng thay thế nộp qua Quỹ; Tiếp tục thực hiện, triển khai có hiệu quả xây dựng Quỹ REDD+.

Hội đồng sẽ thông qua Nghị quyết của phiên họp lần này, làm cơ sở để Ban Điều hành Quỹ thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới. ■



Nguồn ảnh: Nguyễn Anh Dũng

Quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phát triển sinh kế & lồng ghép giới

Nguyễn Anh Dũng - Tư vấn dự án IPFES

Trong Quý 3 năm 2016, tư vấn Dự án “Tăng cường thực thi chính sách chi trả DVMTR ở Việt Nam” (Dự án IPFES) đã phối hợp với Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế và Kon Tum tổ chức khóa tập huấn “Sử dụng tiền DVMTR trong phát triển sinh kế và lồng ghép giới” cho gần 200 học viên là các Ban quản lý tiền DVMTR của các thôn, bản làng (gọi tắt là thôn), các thành viên giám sát của thôn, cán bộ có liên quan của UBND xã, cán bộ Kiểm lâm của xã Hồng Thái và Phong Mỹ (Thừa Thiên Huế) và xã Đak Man và Xốp (Kon Tum).

Khóa tập huấn đã cung cấp cho học viên các kiến thức về i) Lập kế hoạch sử dụng tiền DVMTR; II) Ghi chép sổ sách quản lý tiền DVMTR; III) Sử dụng tiền DVMTR đầu tư phát triển sinh kế; iv) Bình đẳng giới trong quản lý và sử dụng tiền DVMTR.

Khóa tập huấn được thực hiện với phương pháp có sự tham gia thông qua các chủ đề thảo luận nhóm, phân tích các tình huống, bài tập thực tế và chia sẻ kinh nghiệm thực tế trong và ngoài địa phương.

Với thông tin công khai và minh bạch về số tiền DVMTR của 18 thôn trong 4 xã năm 2016 do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh cung cấp, các Ban quản lý thôn đã tổ chức các cuộc họp cộng đồng lập kế hoạch sử dụng tiền. Có 3 nhóm hoạt động sử dụng tiền DVMTR được cộng đồng lựa chọn gồm: (I) Bảo vệ và phát triển rừng; (II) Các hoạt động chung của thôn (III) Lập quỹ cho vay quay vòng trong thôn/nhóm.

Với những kiến thức và kỹ năng được cung cấp trong khóa tập huấn, các Ban quản lý thôn đã có những nhận thức cao về việc quản lý và sử dụng tiền DVMTR trong thời gian tới. Như hướng dẫn của chị Y Giồng - Phó thôn Măng Khên, xã Đăk Man, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum với cộng đồng trong cuộc họp thôn “Chúng ta không nên mang tiền DVMTR về chia cho các hộ gia đình, mỗi hộ nhận 100.000 - 200.000 đồng không giải quyết được việc gì hết, sử dụng chung của cả thôn để bảo vệ rừng, phát triển sinh kế cho bà con”, “Bà con yên tâm, tiền DVMTR của thôn sẽ được Ban quản lý ghi chép, giám sát thôn kiểm tra, trước khi chi sẽ xin ý kiến của bà con, không ai tham ô tiền của thôn đâu”.

Tại 10 thôn của xã Hồng Thái và Phong Mỹ, tỉnh Thừa Thiên Huế sau khi nhận được hơn 300 triệu đồng tiền DVMTR tạm ứng năm 2016 đã trả tiền công tuần tra bảo vệ rừng theo bảng chấm công, mua một số trang thiết bị bảo hộ cho tổ tuần tra, thực hiện các hoạt động chung của thôn và trích 73 triệu đồng (tương ứng 25% số tiền tạm ứng) thành lập quỹ cho vay quay vòng phát triển sinh kế. Các hộ vay vốn với mức trung bình 2 triệu đồng/hộ, thời gian vay 12 tháng với lãi suất từ 0,5% đến 1%/tháng. Các hộ gia đình vay vốn đã sử dụng vốn vay vào chăn nuôi gồm nuôi heo, nuôi gà và nuôi cá nhằm phát triển sinh kế hộ gia đình.

Các học viên tham gia khóa tập huấn đã có những thay đổi nhận thức về giới trong quản lý và sử dụng tiền DVMTR tại thôn. Anh Khang – Trưởng BQL thôn Tân Mỹ, xã Phong Mỹ, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế chia sẻ “Sau khóa tập huấn các Ban quản lý thôn sẽ kiện toàn lại, 2 thôn chưa có thành viên nữ trong Ban quản lý sẽ bổ sung thành viên nữ tham gia, 4 thôn còn lại có thể thêm thành viên nữ nếu cộng đồng đề xuất”. Hoặc như chị Y Giống trao đổi trong khóa tập huấn “Hiện nay họp thôn chỉ đa số là phụ nữ tham gia, trong thời gian tới sẽ tuyên truyền, vận động và quản lý để đảm bảo nam giới cũng nhiệt tình tham gia trong các cuộc họp thôn”. Đại diện các Ban quản lý thôn khác cũng chia sẻ “Sau này việc quyết định sử dụng tiền DVMTR sẽ do cộng đồng quyết định mà không phải chỉ lãnh đạo thôn quyết định như trước đây”.



Nguồn ảnh: Nguyễn Anh Dũng

Lãnh đạo Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế và Kon Tum cho biết sẽ tập huấn và nhân rộng mô hình quản lý và sử dụng tiền DVMTR trong sinh kế có lồng ghép giới theo hướng nhóm hộ và cộng đồng cho các xã có tiền DVMTR trong năm 2017.

Hy vọng rằng việc quản lý và sử dụng tiền DVMTR tại các xã thí điểm sẽ được áp dụng rộng rãi tại các xã khác nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính tiền DVMTR, nâng cao năng lực của cộng đồng và góp phần tăng cường tính công khai minh bạch trong các hoạt động tại địa phương.■



Nguồn ảnh: Nguyễn Anh Dũng



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Nghệ An

Khởi động nghiên cứu thí điểm chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp tại khu vực miền Trung

Nguyễn Thị Kim Dung - Quỹ BV&PTR tỉnh Nghệ An

Thực hiện văn bản số 5337/ BNN-TCLN ngày 27/6/2016 của Bộ NN&PTNT đề nghị tham gia nghiên cứu, thí điểm chi trả DVMTR đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, ngày 09/9/2016, được sự hỗ trợ của Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam (VFD), Tổng cục Lâm nghiệp, VNFF đã tổ chức Hội thảo khởi động Nghiên cứu đề xuất thí điểm chính sách chi trả DVMTR đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp tại các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh. Ông Phạm Hồng Lượng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, tài chính, Tổng cục lâm nghiệp, Phó giám đốc VNFF chủ trì hội thảo.

Tham dự hội thảo có đại diện lãnh đạo, cán bộ Tổng cục lâm nghiệp, VNFF, đại diện UBND, các Sở ban ngành, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, một số cơ sở sản xuất công nghiệp của 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cùng đại diện các chương trình, dự án, nhà tài trợ.

Theo báo cáo khởi động tại hội thảo, các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nước có nguồn gốc từ rừng trong phạm vi thí điểm chi trả gồm cơ sở khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; cơ sở sản xuất, chế biến nông sản; cơ sở sản xuất các sản phẩm tiêu dùng cho xã hội; các cơ sở sử dụng nước là nguyên liệu quan trọng của sản xuất và các cơ sở lấy nước từ hồ, ao, sông, suối mà nguồn gốc của nước từ vùng đầu nguồn, được bảo vệ và duy trì nhờ thảm che thực vật rừng.

Hoạt động nghiên cứu nhằm xác định vai trò của rừng đối với sản xuất công nghiệp; xác định các cơ sở sản xuất công nghiệp được hưởng lợi từ sử dụng DVMTR; xác định mức thu và phương thức thu tiền DVMTR đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp; đánh giá tác động của việc thực thi chính sách chi trả DVMTR trong sản xuất công nghiệp.

Để thực hiện mục tiêu trên, nhóm tư vấn sẽ tiến hành khảo sát, thu thập số liệu tại hiện trường 3 tỉnh; xác định các phương án về mức chi trả cho DVMTR (dựa vào giá trị kinh tế của dịch vụ điều tiết và cung cấp nước của rừng, mức sẵn lòng chi trả của các cơ sở, sự đồng thuận của các bên liên quan); xây dựng đề án thí điểm.

Lộ trình nghiên cứu thí điểm bắt đầu từ tháng 9 tại 3 tỉnh và đến tháng 12/2016 nhóm tư vấn sẽ đưa ra bản báo cáo và Đề án thí điểm tham vấn ý kiến các bên liên quan trước khi trình UBND các tỉnh phê duyệt. ■

Phát thanh chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng bằng tiếng dân tộc ở vùng cao

Nguyễn Việt Hùng - Tư vấn dự án IPFES

Để cho người dân, đặc biệt các chủ rừng là đồng bào dân tộc thiểu số hiểu về chính sách chi trả DVMTR, trong khuôn khổ dự án IPFES, tư vấn/chuyên gia truyền thông của dự án cùng Quỹ BV&PTR tỉnh Lào Cai đã phối hợp với Ban phát thanh tiếng dân tộc Đài Truyền hình Lào Cai thực hiện thí điểm việc sản xuất, phát hành 360 đĩa tuyên truyền bằng tiếng Mông, Dao và Kinh và chuyển giao cho các huyện, xã trong khu vực có thực hiện chi trả DVMTR tiến hành thử nghiệm phát trên hệ thống truyền thanh của xã và thôn.

Xã Tả Ngải Chồ - Huyện Mường Khương có 7 cụm loa phục vụ cho 12 thôn, đây là một trong những xã nghèo của cả nước, có gần 100% người Mông sinh sống, thu nhập chủ yếu của người dân là làm lúa nương. Anh Hầu Châu Lao- người phụ trách văn hóa ở xã Tả Ngải Chồ cho biết: xã vừa mới nhận được đĩa tuyên truyền và đang lên kế hoạch phát theo hướng dẫn của Quỹ BV&PTR tỉnh Lào Cai, ở đây hiếm khi có các chương trình phát thanh bằng tiếng

Mông về đến xã và nếu có, người dân sẽ chú ý lắng nghe vì thời gian phát vào buổi sáng từ 5h30 đến 6h30 và chiều từ 17h30 đến 18h30 hàng ngày.

Anh Đỗ Ngọc Minh - Hạt trưởng Hạt Kiểm Lâm huyện Mường Khương cũng cho biết với đĩa tuyên truyền này trước tiên sẽ tổ chức cho anh em nghe thật kỹ nội dung vừa để có kế hoạch tổ chức tuyên truyền lưu động bằng xe, đặc biệt là vào thời điểm hanh khô sắp tới, vừa dùng để lồng ghép trong các hội nghị hội thảo khác về bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương.

Xã Dền Sáng – Huyện Bát Xát vừa mới nhận được đĩa tiếng Dao- tiếng Kinh và bắt đầu triển khai phát thanh trên hệ thống cụm loa của xã. Anh Lý Láo San người dân tộc Dao – Phó chủ tịch xã đã nghe đĩa và khẳng định nội dung dễ hiểu, tuy nhiên đối với người dân thì cần phải được nghe đi nghe lại nhiều lần mới nhớ được.

Góp phần vào quá trình nâng cao nhận thức cho người dân đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa về quyền lợi và nghĩa vụ được quy định trong Nghị định 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả DVMTR, hình thức phát thanh bằng tiếng dân tộc là một trong những cách để người dân nghèo vùng núi tiếp cận được với thông tin mà chi phí thực hiện khá thấp. ■



Cụm loa tại UBND xã Dền Sáng, Bát Xát, Lào Cai - Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng



Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng

Quỹ REDD+ Việt Nam và NRAP

Phạm Minh Thoa - Tư vấn chương trình UN-REDD pha II

Hội nghị các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 19 (UNFCCC-COP19) đã đưa ra Khung Vác-sa-va cho REDD+, trong đó có Quyết định số 9/CP.19 về Chương trình hoạt động tài chính dựa vào kết quả để thực hiện toàn diện các hoạt động REDD+. Quyết định này đã nêu rõ điều kiện để các nước có thể nhận được nguồn tài chính khi các hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon của rừng (REDD+) được đo đạc, báo cáo, kiểm chứng theo quy định của UNFCCC. Tuy nhiên cho đến nay, UNFCCC chưa đưa ra hướng dẫn nào cho việc quản lý chi trả REDD+, nhưng các

bài học kinh nghiệm quốc tế cho thấy, việc quản lý chi trả của quốc tế cho REDD+ có thể thông qua một số cơ chế, trong đó có cơ chế quỹ ủy thác.

Mặc dù chưa có quy định mang tính pháp lý quốc tế đối với Quỹ REDD+ quốc gia, nhưng một số bài học thành công của các nước trên thế giới đã cho thấy, Quỹ REDD+ quốc gia sẽ giúp tăng quyền tự chủ của quốc gia; đảm bảo cơ cấu tổ chức công khai, minh bạch; có sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng địa phương, dân tộc thiểu số, phụ nữ và đảm bảo có đại diện của các tổ chức xã hội dân sự; chi trả dựa trên kết quả; tôn trọng các biện pháp bảo đảm an toàn theo Thỏa thuận Can cun; và hướng tới kết quả giảm phát thải khí nhà kính.

Đối với Việt Nam, Quỹ REDD+ là một nội dung quan trọng của Chương trình Hành động REDD+ Quốc gia (NRAP), được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 27/6/2012. Trong bối cảnh của Việt Nam, nguồn tài chính cho REDD+ chủ yếu là do cộng đồng quốc tế đóng góp. Vì vậy, Quỹ REDD+ Việt Nam là một quỹ ủy thác và việc quản lý nguồn tài chính này trước hết phải tuân thủ các quy định, chuẩn mực của quốc tế và yêu cầu cũng như điều kiện của bên đóng góp tiềm năng cho REDD+, đảm bảo tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả, hiệu suất và công bằng.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, Bộ NN&PTNT – cơ quan đầu mối về REDD+ Việt Nam, với sự hỗ trợ của Chương trình UN-REDD Việt Nam trong gần 2 năm qua đã triển khai xây dựng và phê duyệt Đề án thành lập Quỹ REDD+ Việt Nam (Quyết định số 5337/QĐ-BNN-TCLN ngày 23/12/2015 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT). Theo đó, a) Việc chi trả cho REDD+ đối với mỗi quốc gia trước hết phải dựa vào kết quả giảm phát thải và hấp thụ, lưu giữ các bon của rừng, được đo đạc, báo cáo và kiểm chứng độc lập, đáp ứng yêu cầu của quốc tế; b) Việc triển khai các hoạt động REDD+ và Quỹ REDD+ Việt Nam phải đảm bảo các chính sách đảm bảo an toàn Cancun như: Bảo vệ quyền lợi và kiến thức của người dân tộc thiểu số, cộng đồng địa phương, quan tâm tới các cam kết quốc tế, bối cảnh và luật pháp của quốc gia phù hợp với Tuyên bố của Liên hợp quốc về quyền của người dân bản địa; Bảo đảm có sự tham gia đầy đủ và tích cực của các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng địa phương và dân tộc thiểu số; Bảo đảm bình đẳng giới.

Bên cạnh đó, REDD+ phải có cách tiếp cận đa ngành, đảm bảo sự tham gia tích cực của các

ngành cũng như các bên liên quan có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng. Thông điệp này đã được truyền tải một cách sinh động trong Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22/7/2016 về kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững ở Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Do đó, Quỹ REDD+ Việt Nam cũng phải đảm bảo các ngành và các bên liên quan tới các nguyên nhân mất rừng và suy thoái rừng và đóng góp tích cực cho kết quả các hoạt động REDD+ có thể tiếp cận được nguồn tài chính của Quỹ. Việc thành lập Quỹ REDD+ Việt Nam sẽ gắn liền với quá trình xây dựng mới NRAP - cơ sở pháp lý quan trọng đưa ra định hướng chiến lược mới cập nhật cho REDD+ nói chung và Quỹ REDD+ Việt Nam nói riêng trong thời gian tới. Nội dung trên cũng đã được PGS.TS. Nguyễn Bá Ngãi – Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp – cơ quan quản lý Văn phòng REDD+ Việt Nam tái khẳng định trong cuộc họp với Chương trình UN-REDD Việt Nam Giai đoạn II ngày 27/7/2016 vừa qua về việc hỗ trợ xây dựng mới NRAP và thành lập Quỹ REDD+ Việt Nam. ■



Nguồn ảnh: Hùng Lekima



Nguồn ảnh: Tôn Thất Hộ

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng trong lĩnh vực *nuôi trồng thủy sản trên cát*

Trần Thị Thu Hà - Tư vấn dự án IPFES

Trong những năm qua, hoạt động nuôi tôm trên cát đã và đang là một trong những động lực tăng trưởng chính của hoạt động nuôi trồng thủy sản tại Thừa Thiên Huế. Theo Quy hoạch nuôi trồng thủy sản tỉnh Thừa Thiên Huế định hướng đến năm 2020, nuôi tôm trên cát sẽ tiếp tục là hoạt động nuôi trồng thủy sản chủ lực với diện tích nuôi tôm chân trắng trên vùng cát ven biển, tăng 570 ha, (bình quân tăng 7,95%/năm). Nằm xen kẽ trong các vùng rừng trên cát ven biển, hoạt động nuôi thủy sản trên cát được đánh giá có mối quan hệ tương tác chặt chẽ với hoạt động bảo vệ rừng trên cát ven biển.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chi trả DVMTR trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên cát được thực hiện nhằm: (i) xác định hoạt động nuôi trồng thủy sản dựa vào rừng có khả năng thực thi chi trả DVMTR tại Thừa Thiên Huế; (ii) xác định giá trị vai trò của rừng đối với hoạt động nuôi thủy sản trên cát; (iii) xác định cơ chế thực thi chính sách chi trả DVMTR trong hoạt động nuôi thủy sản trên cát phù hợp với thực tế tại Thừa Thiên Huế; (iv) đánh giá sự đồng thuận giữa các bên liên quan; và (v) đề xuất lộ trình triển khai áp dụng chi trả DVMTR trong nuôi trồng thủy sản trên cát tại Thừa Thiên Huế.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập và phân tích các tài liệu thứ cấp về các loại hình nuôi trồng thủy sản và rừng trên cát tại Thừa Thiên Huế và thực hiện khảo sát thực địa nhằm thu thập thông tin về các đối tượng liên quan, bao gồm các cơ quan quản lý như Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế, UBND các xã ven biển huyện Phong Điền, và 40 cơ sở nuôi tôm trên cát tại huyện Phong Điền nhằm ước lượng giá trị kinh tế của các dải rừng phòng hộ chắn sóng, chắn cát bay đối với hoạt động nuôi tôm trên cát.

Kết quả phân tích cho thấy 97% đại diện các cơ sở nuôi khẳng định rằng rừng phòng hộ trên cát vùng ven biển có vai trò tích cực đối với hoạt động nuôi tôm trên cát. Từ kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động nuôi tôm trên cát, đại diện các cơ sở nuôi tôm nhận thấy rừng trên cát giúp chắn gió và chắn cát. Sử dụng phương pháp chi phí tránh được và thông tin từ các cơ sở nuôi tôm trên cát, giá trị kinh tế của rừng trên cát đối với hoạt động nuôi tôm trên cát được ước lượng là 2,3 triệu đồng cho 1 ha nuôi trong 1 năm (hoặc 230 đồng/1m²/1 năm). Ngoài ra 84 % số cơ sở được phỏng vấn sẵn sàng chi trả cho việc bảo vệ rừng phòng hộ chắn sóng với mức chi trả trung bình là 1,3 triệu đồng trên 1 ha ao nuôi (130 đồng/1 m²/1 năm).

Dựa trên kết quả khảo sát tại hiện trường, nhóm nghiên cứu đã xây dựng được ba phương án về mức chi trả như sau: (i) mức chi trả dựa trên giá trị đóng góp của rừng trên cát đối với hoạt động nuôi tôm trên cát, mức chi trả có thể áp dụng là 230 đồng/1m² diện tích nuôi trong 1 năm (tương đương 2,3 triệu đồng/1ha/1 năm); (ii) mức chi trả dựa trên mức sẵn lòng chi trả của các cơ sở nuôi tôm, mức chi trả có thể áp dụng là 130 đồng/1m² diện tích nuôi trong 1 năm (tương đương 1,3 triệu đồng/1ha/1 năm); và (iii) mức chi trả dựa trên

bình quân giá trị đóng góp của rừng và mức sẵn lòng chi trả của các cơ sở nuôi tôm, mức chi trả có thể áp dụng là 180 đồng/1m² diện tích nuôi trong 1 năm (tương đương 1,8 triệu đồng/1ha/1 năm). Đối với mỗi cơ sở nuôi tôm trên cát, số tiền chi trả với các mức chi trả nêu trên chỉ chiếm một phần nhỏ trong doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động nuôi tôm. Sử dụng số liệu điều tra thực địa trong nghiên cứu này, số tiền chi trả của mỗi cơ sở nuôi bình quân ước tính chiếm khoảng 0,04 – 0,06% doanh thu và 0,16 – 0,28% lợi nhuận.

Kết quả hội thảo tham vấn các cơ quan quản lý tại địa phương và các cơ sở nuôi tôm trên cát diễn ra ngày 01/4/2016 tại Huế cho thấy phương án (iii) là phương án khả thi nhất và nhận được sự đồng thuận lớn nhất từ phía các đại biểu tham dự hội thảo.

Tuy nhiên, thực hiện thí điểm cơ chế chi trả DVMTR đối trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản trên cát tại Huế nói riêng và tại các địa phương khác trên cả nước nói chung cần hết sức thận trọng bởi dù đảm bảo các yếu tố về khoa học và thực tiễn nhưng cơ sở pháp lý cho vấn đề này vẫn chưa thực sự rõ ràng khi nghị định 99/2010/NĐ-CP chưa có quy định bắt buộc các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên cát phải thực hiện chi trả đối với các bên cung ứng DVMTR. ■



Nguồn ảnh: Tồn Thất Hộ

Các văn bản liên quan đến thực thi Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng



Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng

1

Nghị quyết 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 (trong đó có Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững)

2

Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp

3

Báo cáo số 8193/BC-BNN-TCLN ngày 28/9/2016 của Bộ NN&PTNT về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung 1 số điều Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả DVMTR

4

Quyết định số 3343/QĐ-BNN-TCLN ngày 15/8/2016 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc điều chỉnh nhân sự Ban Kiểm soát VNFF

5

Công văn số 1041/TCLN-KHTC ngày 04/7/2016 của Tổng cục Lâm nghiệp về việc tiếp thu ý kiến của Văn phòng Chính phủ về dự thảo Nghị định sửa Nghị định 99/2010/NĐ-CP

6

Nghị quyết số 02/NQ-VNFF-BĐH ngày 18/7/2016 của VNFF về nghị quyết phiên họp Hội đồng quản lý Quỹ lần 2/2016

7

Công văn số 232/UNREDD-VP ngày 01/8/2016 của Ban quản lý chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II về việc phối hợp xây dựng NRAP và thành lập Quỹ REDD+ Việt Nam



Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng



Mở tài khoản tiền dịch vụ môi trường rừng cho cộng đồng nhóm hộ

Trần Quốc Cảnh - PGD Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế

Chính sách chi trả DVMTR là một chính sách mới, có tác động rất lớn đến người dân, tổ chức là các chủ rừng cung ứng DVMTR trên cả nước nói chung và tại Thừa Thiên Huế nói riêng. Hiện nay, Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện chi trả từ năm 2014 với số lượng chủ rừng cung ứng DVMTR khá lớn (677 chủ rừng gồm 08 chủ rừng là tổ chức và 643 chủ rừng là hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng, phân bố trên địa bàn rất rộng của 45 xã thuộc 6 huyện, thị xã, chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, rừng núi rất khó khăn). Trong khi đó, bộ máy tổ chức của Quỹ BV&PTR tỉnh còn mỏng nên áp lực công việc rất lớn.

Để đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ là đơn vị ủy thác chi trả tiền DVMTR, Quỹ đã trực tiếp chi trả cho tất cả các chủ rừng cung ứng DVMTR trên địa bàn tỉnh bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Qua hai cách chi trả bằng tiền mặt và chuyển khoản có thể thấy rằng chuyển khoản là phương pháp tiết kiệm thời gian, chi phí và an toàn. Để thực hiện chi trả cho chủ rừng là các tổ chức được nhà nước giao rừng như Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Công ty lâm nghiệp thì công việc này khá thuận lợi. Nhưng để triển khai việc chi trả qua các chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình là vô cùng khó khăn. Do đa số các chủ rừng ở xa khu trung tâm khó tiếp cận với hệ thống ATM, ngân hàng, không thể mở tài khoản như tập thể, tổ chức vì các ban quản lý không có con dấu, nếu mở tài khoản bằng tài khoản cá nhân các thành viên trong cộng đồng khó kiểm soát nguồn tiền chi trả.

Với lợi ích của việc chi trả tiền DVMTR qua tài khoản, ngay từ năm đầu tiên chi trả (năm 2014) Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện thí điểm mở tài khoản cho 19 cộng đồng huyện Phong Điền và chi trả qua tài khoản với số tiền hơn 464 triệu đồng. Qua đây, Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế nhận thấy đây là mô hình cần được nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh nhưng với các huyện miền núi Nam Đông, A Lưới có những cản trở. Vì vậy, Quỹ đã làm một số biện pháp để việc mở tài khoản được thuận lợi hơn như: Gửi Công văn hướng dẫn và khuyến khích mở tài khoản tới các Hạt Kiểm lâm, UBND xã và chủ rừng là cộng đồng, nhóm hộ; Yêu cầu mở tài khoản đồng quản lý (cho hai người trở lên sở hữu vì các cộng đồng không có con dấu để mở tài khoản như các tổ chức); Công bố công khai số tiền DVMTR được trả ở nơi công cộng, trụ sở UBND các xã trước khi chuyển khoản.

Đến năm 2015, số tiền của các cộng đồng, nhóm hộ nhận qua tài khoản là hơn 572 triệu đồng. Trong năm 2016, Quỹ tiếp tục đẩy mạnh, khuyến khích cộng đồng nhóm hộ mở tài khoản, cho đến nay 146 cộng đồng nhóm hộ đã mở tài khoản với số tiền DVMTR được chi trả lớn, dự kiến là 5,1 tỷ đồng chiếm hơn 73% tổng số tiền DVMTR của cộng đồng, hộ gia đình cá nhân. ■



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Thừa Thiên Huế

Hội thi tìm hiểu chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Thừa Thiên Huế 2016

<http://huepdf.org/>

Sau nhiều vòng sơ loại tại địa phương, được sự đồng ý của UBND, Hội đồng quản lý Quỹ BV&PTR tỉnh, Sở Văn hóa thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế, với sự tài trợ của Quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (WWF) Việt Nam, Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng chi nhánh Huế, các công ty, nhà máy thủy điện, Ban quản lý rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, vòng chung kết của Hội thi “*Tìm hiểu Chính sách chi trả môi trường rừng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2016*” đã được diễn ra ngày 09/9 tại Trung tâm Văn Thông tin Thừa Thiên Huế. Đến tham dự hội thi có đại diện lãnh đạo tỉnh, các Sở ban ngành trong tỉnh cùng hơn 60 thí sinh và 250 cổ động viên là cán bộ xã, cộng đồng thôn bản, nhóm hộ của 4 cộng đồng nhất huyện (Phong Điền, Phú Lộc, Nam Đông và A Lưới)

Mỗi đội thi gồm 15 người thử thách qua 03 phần thi: kiến thức, xử lý tình huống và tài năng xoay quanh nội dung về BV&PTR gắn với chính sách chi trả DVMTR. 4 đội (cộng đồng) đem đến hội thi nhiều tiết mục đa dạng (ca múa hát, tiểu phẩm...), đậm nét dân tộc, ý nghĩa sâu sắc. Đặc biệt, đội thi cộng đồng thôn Tân Mỹ (Phong Điền) đã gây ấn tượng với ban tổ chức và khán giả bởi sự chuẩn bị công phu về trang phục, đạo cụ cho phần thi tài năng rất độc đáo và sáng tạo không kém phần xúc động qua tiểu phẩm “Chuyện sinh kế của người dân gắn với DVMTR”.

Sau những phần thi tranh tài, Ban tổ chức đã trao giải nhất cho Cộng đồng thôn Tân Mỹ (Phong Điền), giải nhì cho Cộng đồng thôn A Sáp (A Lưới), 2 đội còn lại đồng giải ba.

Đây là sân chơi bổ ích, là cơ hội để người dân, cộng đồng các huyện được giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng, kết quả trong hoạt động quản lý bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của địa phương, nâng cao nhận thức về chính sách chi trả DVMTR. Qua đó, thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân, các chủ rừng, các cơ sở sử dụng DVMTR...trong việc thực hiện chính sách, góp phần bảo vệ hiệu quả và phát triển bền vững tài nguyên rừng, nâng cao đời sống cho các cộng đồng dân cư sống ven rừng, phụ thuộc rừng. ■



Dịch vụ môi trường rừng trong du lịch còn nhiều vướng mắc

Nông nghiệp Việt Nam ngày 23/8

Lào Cai là một trong các tỉnh đi đầu trong việc thực hiện chi trả DVMTR đối với dịch vụ du lịch.

Từ năm 2012, tỉnh đã ban hành các quy định tạm thời về mức thu tiền DVMTR đối với các tổ chức cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, mức thu đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh là 1,5% doanh thu của các sản phẩm du lịch sử dụng DVMTR, trừ dịch vụ ăn uống, cước vận tải, xây dựng cơ bản, tiền sử dụng nước sinh hoạt, tiền vé tham quan, tiền phòng nghỉ đã nộp ở đơn vị kinh doanh du lịch khác. Đến nay, Ủy BV&PTR tỉnh Lào Cai đã tiến hành ký kết hợp đồng ủy thác với 34/118 đơn vị kinh doanh du lịch thuộc đối tượng phải chi trả tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh, thu hơn 2,3 tỷ đồng và giải ngân hơn 1,5 tỷ đồng.

Tuy nhiên, sau gần 4 năm triển khai, việc thực hiện chính sách chi trả DVMTR đối với dịch vụ du lịch tại Lào Cai gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là về đối tượng, mức thu và căn cứ thu. Sa Pa là điểm thu hút khách du lịch chính của tỉnh Lào Cai với 1,4 triệu lượt khách tham quan trong năm 2015, đóng góp 64%

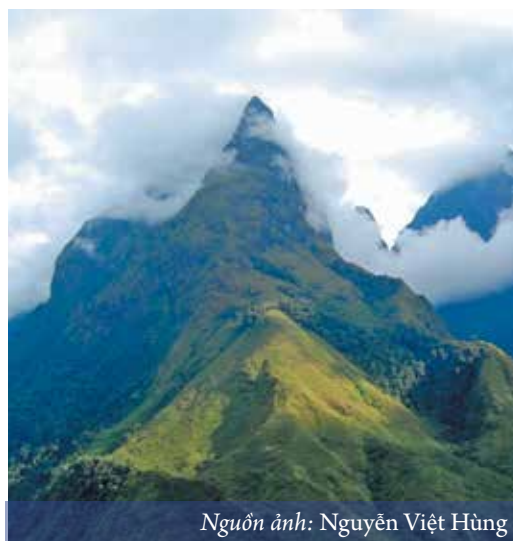
tổng doanh thu từ hoạt động du lịch toàn tỉnh Lào Cai, tuy nhiên, hiện mới chỉ có 23/185 công ty tham gia ký hợp đồng chi trả (12,4%). Đa số các công ty lớn thuộc Hiệp hội Du lịch Sa Pa chưa tham gia.

Theo kết quả nghiên cứu, phân tích của một nhóm tư vấn Dự án IPFES, khi phỏng vấn khách du lịch tại Sa Pa cho thấy lý do chính để họ đến Sa Pa là để thưởng thức cảnh quan thiên nhiên và hưởng thụ thời tiết mát mẻ, không khí trong lành có được từ rừng.

Vì thế, đa số du khách (97,7%) đồng ý chi trả cho hoạt động bảo vệ rừng. Đặc biệt 91% khách du lịch cho rằng chính mình cũng đang được hưởng thụ lợi ích từ rừng qua các hoạt động liên quan đến rừng, 81% khách du lịch sẵn lòng chi trả một khoản tiền nào đó để chung tay bảo vệ rừng.

Tuy nhiên những băn khoăn của doanh nghiệp du lịch trong việc sẵn sàng thực hiện chi trả DVMTR là cơ sở khoa học xác định đối tượng chi trả (bên sử dụng DVMTR) gồm những hoạt động du lịch nào đang hưởng lợi từ rừng? Rồi căn cứ xác định mức thu để bảo đảm công bằng và mức thu cụ thể là bao nhiêu để vừa khuyến khích bảo vệ giá trị rừng vừa không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp du lịch?

Theo Nghị định 99, thì 1/5 loại DVMTR là cung cấp bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho các dịch vụ du lịch. Đồng thời, cũng quy định tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ DVMTR phải chi trả tiền cho các chủ rừng tạo ra dịch vụ. ■



Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng



Học sinh Đắk Pxi hưởng ứng chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

www.kontumfpdf.vn

Ngày 23/8, Ủy BV&PTR tỉnh Kon Tum phối hợp với UBND xã Đắk Pxi và Ban giám hiệu trường tiểu học Tô Vĩnh Diện tổ chức Chương trình truyền thông “Đồng hành cùng em đến trường”.

Qua những hình ảnh được in ấn trên bìan vở, thông điệp của chương trình hướng đến tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các em học sinh, các phụ huynh, cũng như các thầy cô giáo về bảo vệ rừng, thực hiện chính sách chi trả DVMTR qua đó kêu gọi các cấp chính quyền địa phương, các ngành, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội và người dân sinh sống trên địa bàn bằng những hành động thiết thực của mình cùng nhau tham gia bảo vệ và phát triển rừng một cách bền vững. Nếu hôm nay, các em học sinh có ý thức bảo vệ rừng, mai sau rừng sẽ tốt tươi; ý thức bảo vệ rừng của các em còn lan tỏa đến gia đình và cộng đồng nơi các em sinh sống.

Chương trình truyền thông “Đồng hành cùng em đến trường” diễn ra trong không khí vui vẻ, sôi nổi của tất cả các em học sinh tham dự; tại buổi lễ thầy tổng phụ trách đội cũng kêu gọi các em hãy đọc những thông điệp truyền thông in trên bìan vở và tiếp tục tuyên truyền cho gia đình và cộng đồng.■



Nguồn ảnh: Ủy BV&PTR tỉnh Kon Tum



Nguồn ảnh: Hùng Lekima



Quy định mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

Tài Nguyên và Môi Trường ngày 19/8

UBND tỉnh Cà Mau vừa ban hành quy định về mức chi trả tiền DVMTR của doanh nghiệp thủy sản cho các tổ chức và cá nhân có rừng, trong việc thực hiện thí điểm về nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế trên địa bàn tỉnh.

Quy định này áp dụng đối với việc nuôi tôm trong rừng phòng hộ (trừ rừng phòng hộ rất xung yếu), rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cà

Mau theo quy định về quản lý rừng. Đồng thời áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác có liên quan đến nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Theo đó, mức chi trả tiền DVMTR bình quân đối với hộ dân tối thiểu 500.000 đồng/ha trong một năm cho diện tích có rừng ngập mặn trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng giữa tổ chức chủ rừng và hộ dân. Hộ dân được nhận tiền chi trả DVMTR sau khi đã bán cho doanh nghiệp tối thiểu 40 kg tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế trên một ha trên tổng diện tích được khoán, bao gồm cả rừng và mặt nước.

Mức chi trả tiền DVMTR bình quân đối với đối với tổ chức giữ rừng tối thiểu là 1.000 đồng/1kg tôm đạt tiêu chuẩn quốc tế mà doanh nghiệp đã thu mua của hộ dân.

Doanh nghiệp thủy sản chi trả tiền DVMTR hai lần trong một năm, lần đầu vào giữa tháng 6 sau khi đã mua được tối thiểu 20 kg tôm và lần thứ hai vào giữa tháng 12 sau khi đã mua đủ tối thiểu 40 kg tôm.

Việc chi trả tiền DVMTR của doanh nghiệp thủy sản cho hộ dân và tổ chức chủ rừng sẽ chấm dứt sau khi không còn hộ dân nào hợp đồng nuôi tôm - rừng có chứng nhận quốc tế với doanh nghiệp thủy sản. ■

CHI TRẢ DỰA TRÊN KẾT QUẢ LAO ĐỘNG? THÔNG QUA TÀI KHOẢN TIỀN GỬI

Tổng quan phương thức được áp dụng tại các dự án lâm nghiệp do Ngân hàng tái thiết Đức tài trợ tại Việt Nam và tóm tắt các bài học kinh nghiệm

Lê Thùy Anh - Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW)

Khái quát

Việc sử dụng tài khoản tiền gửi để giải ngân tiền tài trợ của dự án đến các hộ dân và các cộng đồng được áp dụng tại các dự án lâm nghiệp do KfW tài trợ ở Việt Nam từ hơn 20 năm qua. Theo báo cáo của KfW năm 2014, khoảng 125.000 hộ dân ở nông thôn đã tham gia vào các dự án, trồng và đã phục hồi được khoảng 130.000 ha diện tích rừng suy thoái.

Ước tính khoảng hơn 20 triệu EURO đã được chi trả đến người hưởng lợi ở địa phương thông qua chương trình này. Những người tham gia vào dự án sẽ được thanh toán một số tiền dựa trên kết quả lao động của mình, nhằm

mục đích trả công cho những đóng góp của họ vào dự án, ví dụ, đối với dự án trồng rừng, người dân được chi trả cho các hoạt động chuẩn bị lập địa trồng rừng, phát thực bì, đào hố, trồng, tỉa cành, tỉa thưa và bảo vệ. Các khoản hỗ trợ, dao động khoảng từ 100 đến 400 EUR/ha, phụ thuộc vào mô hình phục hồi rừng, được chi trả liên tiếp trong khoảng thời gian từ 6 đến 9 năm để hỗ trợ bắc cầu những năm đầu tiên chưa có thu nhập sau khi trồng rừng và trước khi sản phẩm rừng được khai thác và bán.

Phương pháp

Cách tiếp cận của KfW

Ở cấp trung ương, BQL các dự án Lâm nghiệp (MBFP) và Ngân hàng NN&PTNT VBARD thực hiện ký kết hợp đồng để làm nền tảng hợp tác và xác định nhiệm vụ và trách nhiệm của 2 bên cũng như các chi tiết giao dịch tài chính. Nội dung của bản hợp đồng cần có sự phê duyệt của KfW trụ sở chính và Bộ NN & PTNT.

Ngân sách dự án được chuyển từ tài khoản dự án cấp trung ương tới Ngân hàng NN&PTNT và từ đó chuyển tiếp tới Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện – phần lớn chuyển thông qua ngân hàng NN& PTNT chi nhánh tỉnh)

Ban quản lý dự án lâm nghiệp (BQLDALN) cung cấp cho ngân hàng NN&PTNT danh sách các hộ dân đạt điều kiện mở sổ tài khoản với số tiền chính xác mà từng hộ có quyền nhận. Danh sách tên các hộ gia đình chỉ rõ thông tin chính xác nơi họ cư trú, ví dụ tên thôn/ xã/ huyện/tỉnh

Ý tưởng tiếp cận của VNFF

Hợp đồng cần được ký kết giữa VNFF và một ngân hàng phù hợp ở cấp trung ương, việc ủy quyền để ký hợp đồng ở cấp tỉnh cần xem xét theo một hợp đồng khung pháp lý ở cấp trung ương để đảm bảo tính thống nhất giữa các tỉnh trong hợp đồng

Tiền chuyển từ Quỹ BV&PT rừng cấp trung ương/ tỉnh thẳng tới ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện để các giao dịch được đơn giản

Danh sách tên các hộ và số tiền chi trả DVMTR cho mỗi hộ dân được cung cấp bởi các Quỹ BV&PTR tỉnh

Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng

Khi đáp ứng đủ một số điều kiện cần thiết (ví dụ việc cấp sổ quyền sử dụng đất 50 năm cho các hộ dân tham gia dự án), Ngân hàng NN&PTNT huyện sẽ mở tài khoản tiền gửi và chuyển tiền đến từng tài khoản hộ dân. Việc mở tài khoản tiền gửi được hoàn tất trong vòng 10 ngày làm việc sau khi ngân hàng NN&PTNT (trung ương) được nhận từ BQLDALN.	Quý BV&PTR sẽ qui định điều kiện tiên quyết để mở tài khoản tiền gửi nếu cần thiết. Quý BV&PTR gửi danh sách mở tài khoản tiền gửi cho các hộ dân và nhóm hộ sau khi các hộ dân và nhóm hộ ký hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng hoặc khu rừng do họ có quyền quản lý sử dụng phù hợp với điều kiện của chính sách chi trả DVMTR. Khoảng thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm ngân hàng nhận được danh sách đến lúc các tài khoản được mở là hợp lý, tuy nhiên có thể điều chỉnh.
Chủ hộ được yêu cầu có mặt tại ngân hàng huyện khi mở tài khoản. Chủ hộ (hoặc người đứng tên chủ tài khoản) cần xuất trình chứng minh thư nhân dân (hoặc giấy chứng nhận UBND xã trong trường hợp không có chứng minh thư, mẫu chữ ký hoặc vân tay)	Áp dụng tương tự như ở các dự án KfW
Từng chủ tài khoản nhận được một sổ tài khoản từ ngân hàng NN&PTNT có ghi toàn bộ các giao dịch tài chính (tiền gửi ban đầu, rút định kỳ, lãi tích lũy). Bản sao sổ phụ, chi tiết tài khoản được ngân hàng ban hành sau mỗi lần rút tiền.	Được áp dụng tương tự như ở các dự án KfW, tài khoản tiền gửi có sao kê sổ phụ sau mỗi lần giao dịch, hoặc định kỳ. Tài khoản tiền gửi cho PFES là tài khoản dài hạn, không chỉ cho một lần trả tiền.
Chủ tài khoản có thể rút tiền hàng năm với điều kiện là hộ gia đình đã tuân thủ các qui định của dự án về kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ. Sự tuân thủ các qui định của dự án được xác nhận qua hệ thống giám sát nội bộ của dự án, bao gồm việc nghiệm thu cấp huyện (100% diện tích được kiểm tra bởi BQLDA huyện), phúc kiểm hàng năm bởi BQLDA trung ương và văn phòng tư vấn (10% tổng diện tích). BQLDA lâm nghiệp thông báo ngân hàng NN &PTNT ngày rút tiền và lượng tiền được rút. (ví dụ số % tổng tiền cùng toàn bộ số tiền lãi tích lũy).	Tương tự như đối với dự án KfW, điều kiện tiên quyết cho việc mở tài khoản tiền gửi là các hộ dân/ nhóm hộ và việc chuyển trả tiền cần được VNFF xác định cụ thể theo hệ thống giám sát?
Chủ tài khoản có thể chỉ định một người khác nhận tiền, ví dụ khi chủ tài khoản bận việc khác.	Tương tự như dự án KfW.
Việc trả tiền cho chủ tài khoản bị tạm thời đình chỉ trong trường hợp không tuân thủ qui định của dự án. Giám đốc BQLDA tỉnh (hoặc giám đốc BQLDA huyện) cung cấp cho ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện danh sách những tài khoản bị đình chỉ ít nhất là 16 ngày trước ngày rút tiền. Quyền rút tiền được khôi phục nếu hộ đó đã có những tiến bộ cần thiết (việc này được kiểm tra và xác nhận của BQLDA tỉnh hoặc BQLDA huyện)	VNFF cần qui định chi tiết về việc tạm đình chỉ quyền rút tiền từ tài khoản cũng như việc khôi phục quyền này.

Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện phải đảm bảo có đủ tiền quỹ để tất cả các hộ dân tham gia dự án rút được tiền vào ngày đã định. Nếu có hộ dân nào không rút tiền trong vòng 2 tuần sau ngày qui định rút tiền thì số tiền này cộng với tiền lãi có thể được rút trong khoảng thời gian 01 năm sau đó, vào thời điểm rút tiền lần tiếp sau.	Các hộ dân có thể rút tiền vào bất cứ thời điểm nào sau khi thành quả lao động của họ đã được xác nhận và tiền đã được chuyển từ VNFF tỉnh vào tài khoản tiền gửi cá nhân.
Các vi phạm nghiêm trọng đối với qui định của dự án sẽ dẫn đến việc tài khoản bị đóng vĩnh viễn và số tiền trong tài khoản sẽ được chuyển trả về dự án (ví dụ đối với trường hợp không tuân thủ qui định dự án lâu hơn 01 năm)	Các lý do cho việc đóng tài khoản cần được xác định bởi VNFF
Tính từ ngày mở tài khoản, mức lãi suất ưu đãi nhất sẽ được áp dụng (tương đương với lãi suất của các ngân hàng thương mại khác trên địa bàn tỉnh/huyện). Ngân hàng NN&PTNT cần thông báo ngay lập tức BQLDALN về việc thay đổi lãi suất. <i>Ghi chú: các tài khoản được mở theo chu kỳ 6 đến 9 năm, cùng khoảng thời gian của dự án</i>	Áp dụng tương tự như các dự án KfW. VNFF cần quyết định là những tài khoản này được mở vô thời hạn hay cho một khoảng thời gian nhất định. (Tuy nhiên để chuyển tiền DVMTR thì những tài khoản này nên là vô thời hạn)
Báo cáo quý, tổng hợp các giao dịch tài chính trong vòng 3 tháng cuối, cần được ngân hàng NN&PTNT tổng hợp và gửi đến BQLDA huyện, theo một mẫu báo cáo chuẩn theo qui định trong hợp đồng giữa hai bên	Tương tự như áp dụng ở các dự án KfW, các mẫu báo cáo cần được VNFF xác định.
Các khóa tập huấn về quản lý đúng tài khoản tiền gửi được hướng dẫn bởi một đội ngũ chuyên gia nhiều kinh nghiệm, bao gồm cán bộ cao cấp của Vụ Tài chính Bộ NN&PTNT và Ngân hàng NN&PTNT Hội sở. Học viên không chỉ là những cán bộ ngân hàng chi nhánh huyện mà còn có các kế toán của BQLDA huyện	
Việc kiểm toán tài chính dự án hàng năm được thực hiện bởi bên thứ ba, bao gồm đánh giá, kiểm tra việc quản lý tài khoản tiền gửi ở cấp huyện nhằm xác minh việc tuân thủ điều kiện hợp đồng giữa BQLDALN và ngân hàng NN&PTNT	VNFF cần tổ chức tương tự như vậy
Chủ tài khoản cũng như Bộ NN&PTNT, BQLDA không phải trả bất kỳ khoản phí mở tài khoản cũng như quản lý tài khoản.	Cần được thương lượng giữa Quỹ BV&PTR với ngân hàng

Các bài học kinh nghiệm/khuyến cáo

- Thanh toán qua tài khoản tiền gửi có tính minh bạch và trách nhiệm cao, đặc biệt so với thanh toán bằng tiền mặt như đang được thực hiện trong chi trả DVMTR
- Các hộ gia đình ở vùng xa, ít phát triển được làm quen với lĩnh vực tài chính, đặc biệt là nhiều người hưởng lợi dự án thuộc nhóm nghèo, dân tộc thiểu số chưa hề có liên hệ với bộ phận ngân hàng
- Tính từ ngày mở tài khoản, các khoản tiền gửi được hưởng lãi suất (và lãi kép), do đó lợi ích cho hộ dân tham gia dự án được tăng thêm (tuy nhiên, nếu mức trượt giá cao hơn mức lãi suất thì điều có lợi này lại chuyển thành bất lợi khi nó dẫn đến lãi suất thực âm)
- Thanh toán qua tài khoản tiền gửi phải được gắn liền với hệ thống giám sát kết quả tích cực, nếu không hình thức này cũng chỉ là một công cụ phân phát khác không có bất cứ một tiến bộ nào được chứng minh liên quan đến bảo vệ rừng và quản lý tài nguyên bền vững.
- Việc phát triển mối quan hệ làm việc tin cậy giữa kế toán BQLDA huyện và cán bộ chi nhánh ngân hàng huyện là điều quan trọng cho sự thành công của chương trình tài khoản tiền gửi, để đảm bảo rằng ngân hàng quản lý các tài khoản phù hợp với hợp đồng giữa hai bên, kế toán BQLDA tỉnh cần giám sát định kỳ tất cả các giao dịch được thực hiện tại tất cả các chi nhánh huyện. Kiểm toán hàng năm bởi một đơn vị bên ngoài cung cấp dịch vụ tài chính là điều bắt buộc.
- Cần tách bạch rõ ràng trách nhiệm giữa giám sát kỹ thuật (dự án/quản lý rừng) và hành chính/quản lý tài chính các nguồn dự án (Ngân hàng NN&PTNT).
- Trong các dự án do KfW tài trợ, các cấp quản lý khác nhau thuộc ngân hàng NN&PTNT (trung ương, tỉnh và cấp huyện) không tính bất kỳ phí quản lý nào đối với dự án cũng như với người hưởng lợi, dẫn đến một cơ chế chi trả với chi phí giao dịch thấp nhất

- Trong các dự án KfW, việc sử dụng quỹ chi trả cho các cộng đồng thôn bản không được quy định trong hợp đồng giữa BQLDA và ngân hàng NN&PTNT, nhưng theo các quy định khác từ dự án (ví dụ X% kinh phí được sử dụng để thanh toán các tổ bảo vệ rừng thôn, Y% được sử dụng cho các hoạt động quản lý rừng tài chính như trồng khoảng cách, Z% được dành để xây dựng một dự trữ tài chính cho các trường hợp khẩn cấp). Việc sử dụng quỹ tiền DVMTR cũng nên được quy định, ít nhất là đến một mức độ nhất định, để đảm bảo rằng các quỹ sẽ được sử dụng một cách thích hợp cho các hoạt động liên quan đến quản lý rừng bền vững và phát triển sinh kế.
- Nếu số tiền chi trả DVMTR hàng năm là rất nhỏ và chỉ gồm một vài nghìn đồng thì việc mở tài khoản cá nhân không có nhiều ý nghĩa. Quỹ BV&PTR có thể xác định một ngưỡng/khối lượng tối thiểu cho tài khoản được mở bởi các hộ gia đình cá nhân. Có thể thay thế bằng việc thiết lập tài khoản chung cho các nhóm hộ gia đình.
- Trong trường hợp các thôn bản ở nơi xa, gặp khó khăn khi di chuyển đến các chi nhánh ngân hàng huyện, Quỹ cần đàm phán với các ngân hàng để thiết lập các điểm giao dịch di động ở cấp xã (ví dụ tại trụ sở UBND cấp xã) để giảm thiểu khoảng cách đi lại của người dân, nhờ đó tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Các vấn đề có thể gặp phải bao gồm (i) việc chậm trễ mở các tài khoản, tức là muộn hơn khoảng thời gian 10 ngày quy định trong hợp đồng giữa BQLDALN và Ngân hàng NN&PTNT, (ii) áp dụng lãi suất thấp hơn so với ngân hàng thương mại nhà nước cùng hoạt động trên địa bàn, và (iii) các báo cáo sơ sài và không định kỳ của các chi nhánh ngân hàng huyện không phù hợp với các mẫu biểu và nội dung theo quy định trong hợp đồng giữa BQLDALN và Ngân hàng NN&PTNT.
- Việc phạt tiền hoặc các xử phạt khác cần được áp dụng trong trường hợp ngân hàng vi phạm qui định trong hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Việc đánh giá hiệu suất của ngân hàng và sự tuân thủ các quy định trong hợp đồng cần có sự tham gia giám sát kiểm tra định kỳ của các BQLDA tỉnh (kể toán hoặc cán bộ tài chính Quỹ BV&PTR tỉnh). ■

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng

1. Khoản 1 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân được hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng.”

2. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Các đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng là các chủ rừng của các khu rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gồm:

a) Các chủ rừng là tổ chức được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và các chủ rừng là tổ chức tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao;

b) Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn có hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài với các chủ rừng là tổ chức nhà nước (sau đây viết chung là hộ nhận khoán).

3. Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật có cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật có cung ứng dịch vụ môi trường rừng.”

3. Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đối với các cơ sở sản xuất thủy điện

a) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện là 36 đồng/kwh điện thương phẩm. Sản lượng điện để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng điện của các cơ sở sản xuất thủy điện bán cho bên mua điện theo hợp đồng mua bán điện.

b) Xác định số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng

Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng sản lượng điện trong kỳ hạn thanh toán (kwh) nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên 1kwh (36 đồng/kwh).”

4. Khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đối với các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch

a) Mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng áp dụng đối với các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch là 52 đồng/m³ nước thương phẩm. Sản lượng nước để tính tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng là sản lượng nước của các cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch bán cho người tiêu dùng.

b) Xác định số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng

Số tiền phải chi trả dịch vụ môi trường rừng trong kỳ hạn thanh toán được xác định bằng sản lượng nước thương phẩm trong kỳ hạn thanh toán (m³) nhân với mức chi trả dịch vụ môi trường rừng tính trên 1m³ nước thương phẩm (52 đồng/m³).”

5. Điểm b Khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Trích một phần kinh phí không quá 5% so với tổng số tiền ủy thác chuyển về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh, cộng với các nguồn kinh phí hợp pháp khác để dự phòng, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được giao, khoán bảo vệ rừng ổn định lâu dài trong trường hợp có thiên tai, khô hạn và trường hợp mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên cùng một đơn vị diện tích thấp hơn mức chi trả của năm trước liền kề.

Đối với diện tích rừng có mức chi trả dịch vụ môi trường rừng lớn hơn 2 (hai) lần mức hỗ trợ của ngân sách nhà nước cho khoán bảo vệ rừng, tùy theo đối tượng trên cùng địa bàn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức điều tiết phù hợp.”

6. Điểm c Khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Số tiền còn lại để chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng được sử dụng như sau:

Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng, cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng ổn định lâu dài; chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư vốn trồng rừng trên đất lâm nghiệp được hưởng toàn bộ số tiền trên.

Chủ rừng là tổ chức được coi là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức. Trường hợp chủ rừng có thực hiện khoán bảo vệ rừng, chủ rừng được sử dụng không quá 10% tổng số tiền thu được từ dịch vụ môi trường rừng trên diện tích khoán bảo vệ rừng để thực hiện công tác quản lý, tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường; số tiền còn lại phải thanh toán cho hộ nhận khoán.

Ủy ban nhân dân cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng chưa giao, cho thuê theo quy định của pháp luật, là nguồn thu của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp xã, quản lý chi theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng.

Tổ chức chính trị - xã hội được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật phải lập phương án sử dụng kinh phí quản lý bảo vệ rừng từ nguồn thu tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh tổng hợp trong kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng của tỉnh.”

7. Điểm a Khoản 2 Điều 20 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng phải đảm bảo diện tích rừng cung ứng dịch vụ được bảo vệ và phát triển theo đúng chức năng được quy định trong quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;”

8. Bãi bỏ Khoản 7, Điểm b Khoản 9 Điều 22.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

2. Riêng mức chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với các cơ sở sản xuất thủy điện quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định này được áp dụng kể từ lần điều chỉnh giá bán lẻ điện đầu tiên sau khi Nghị định này có hiệu lực./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc



Một số hình ảnh

Sơ kết **8** năm
tổ chức hoạt động Quỹ BV&PTR
và **5** năm thực hiện chính sách
chi trả DVMTR tại các địa phương

Nguồn ảnh: Nguyễn Việt Hùng



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Sơn La



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Quảng Ngãi



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Đắk Lắk



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Nghệ An



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Lâm Đồng



Nguồn ảnh: Quỹ BV&PTR tỉnh Gia Lai

TIN sắp tới

1

Hội nghị toàn quốc sơ kết 8 năm tổ chức hoạt động Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (2008-2015) và 5 năm thực hiện Chính sách chi trả DVMTR (2011-2015) - Tháng 12/2016

2

Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả DVMTR được ban hành

*Vì
Tương Lai
Xanh
Việt Nam*



Tầm nhìn VNFF

Đến năm 2020, **Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam** phấn đấu trở thành một tổ chức tài chính Nhà nước tiên phong tại Việt Nam cũng như trong khu vực Đông Nam Á với mục tiêu hỗ trợ phát triển ngành Lâm nghiệp một cách có hiệu quả thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội cho: Bảo vệ và phát triển rừng; Quản lý rừng bền vững; Giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Cải thiện sinh kế cho người làm rừng; Bảo tồn đa dạng sinh học.



Ấn phẩm này được thiết kế và in ấn với sự hỗ trợ của Dự án Tăng cường thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại Việt Nam do Quỹ giảm nghèo Nhật Bản tài trợ ủy thác qua Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).



QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

Nhà A5, số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 04. 37246771 / 37247559 • Fax: 04. 37246770
www.vnff.vn